ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2016/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 49/TTr-SXD ngày 17/6/2016) và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 108/BC-STP ngày 10/6/2016),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đấu nối hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Tuy Hòa và Chương VI của Quy định quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông Vận tải, Công Thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Trà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
(Kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải tại các đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, bệnh viện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, tổ chức cá nhân nước ngoài và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Thành phần hệ thống thoát nước

1. Cống cấp 1: Bao gồm hệ thống cống bao, rãnh dọc, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực, hoặc vùng.

2. Cống cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống cống cấp 1.

3. Cống cấp 3: Bao gồm các cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ thoát nước hoặc nước bề mặt tới hệ thống cống cấp 1 và cấp 2.

4. Các công trình thuộc hệ thống thoát nước, gồm:

a) Hố kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lề đường, cửa tràn tách nước,…;

b) Trạm bơm nước thải, nước mưa; cống liên quan đến trạm bơm;

c) Hồ điều hòa và kênh mương;

d) Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;

đ) Nhà máy xử lý nước thải, phòng thí nghiệm;

e) Công trình xử lý bùn cặn.

Điều 3. Hệ thống xử lý nước thải

1. Đối tượng sau phải có hệ thống xử lý nước thải:

a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

b) Khu, cụm công nghiệp làng nghề; bệnh viện;

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có quy trình công nghệ phù hợp với loại hình nước thải cần xử lý;

b) Đủ công suất xử lý nước thải phù hợp với khối lượng nước thải phát sinh;

c) Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

d) Cửa xả nước thải vào hệ thống tiêu thoát phải đặt ở vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát;

đ) Phải được vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

3. Chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý. Số liệu quan trắc được lưu giữ làm căn cứ để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô xả thải lớn và có nguy cơ tác hại đến môi trường phải tổ chức quan trắc môi trường nước thải tự động và chuyển số liệu cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành.

Điều 4. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn. Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho các cơ quan sau là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước, gồm:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị, cụm công nghiệp, bệnh trên địa bàn quản lý;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên là chủ sở hữu hệ thống thoát nước các khu công nghiệp và khu kinh tế;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung và làng nghề có hệ thống nước thải được đầu tư từ nguồn ngân sách.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và bệnh viện là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và bệnh viện do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng cho đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư cho đến khi bàn giao Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 5. Tiêu chuẩn kỹ thuật, dịch vụ

1. Yêu cầu về cao độ điểm đấu nối:

a) Cao độ của điểm đấu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo độ dốc để nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào các hộ thoát nước.

b) Đường kính ống thoát nước từ các điểm xả đến điểm đấu nối tối thiểu là 100mm, ống sử dụng vật liệu uPVC, HDPE, gang và độ dốc phải phù hợp để đảm bảo không bị tắc nghẽn.

2. Quy định về hộp đấu nối:

a) Tại vị trí điểm đấu nối phải bố trí hộp đấu nối nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đấu nối, đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết tránh rò rỉ nước thải.

b) Hộp đấu nối được xây dựng trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công với đất thuộc quyền sử dụng của các hộ thoát nước. Đơn vị thoát nước thực hiện thiết kế, thi công xây dựng, sửa chữa và quản lý hộp đấu nối.

3. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 13 của Quy định này.

4. Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước phải xây dựng "mục tiêu, chất lượng dịch vụ thoát nước", đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá chất lượng dịch vụ.

Điều 6. Đấu nối và miễn trừ đấu nối

1. Thời điểm đấu nối:

a) Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống thu gom nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước, trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối.

b) Thời hạn bắt buộc phải đăng ký đấu nối không quá 24 tháng kể từ ngày mạng lưới đường ống thu gom nước thải đưa vào hoạt động; riêng các hộ đấu nối trước đây đã đấu nối hệ thống nước thải vào tuyến cống thoát nước mưa thì phải chuyển đổi đấu nối sang tuyến ống nước thải trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày mạng lưới đường ống thu gom nước thải đưa vào hoạt động.

c) Các trường hợp được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước, gồm:

- Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường của nguồn tiếp nhận.

- Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

2. Chất lượng nước thải xả thải vào điểm đấu nối:

a) Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào điểm đấu nối của hệ thống thoát nước phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm nước thải vào hệ thống thoát nước.

b) Đối với các hộ thoát nước là các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn khi đăng ký đấu nối, ngoài các hồ sơ theo quy định phải kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu chứng minh hệ thống xử lý nước thải cục bộ đã hoàn thành và chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ đạt yêu cầu được phép xả vào hệ thống thoát nước thải, phù hợp với chỉ tiêu đầu vào của nhà máy xử lý nước thải.

c) Nghiêm cấm đấu nối từ bể tự hoại của hộ thoát nước vào trực tiếp hệ thống thoát nước mưa đô thị. Nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của đô thị phải qua bể lắng sơ bộ do hộ thoát nước đầu tư.

3. Khối lượng nước thải xả thải vào điểm đấu nối:

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

- Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

- Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định căn cứ số nhân khẩu (người) có trong hộ thoát nước với mức bình quân chung là 03m^3/người/tháng.

b) Đối với các loại nước thải khác:

- Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

- Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác.

4. Trình tự thủ tục đấu nối nước thải:

- Bước 1: Đơn vị thoát nước thông báo kế hoạch đấu nối nước thải tới các hộ thoát nước theo từng khu vực, cụm dân cư hoặc các hộ thoát nước có nhu cầu đấu nối đăng ký tại đơn vị thoát nước.

- Bước 2: Đơn vị thoát nước khảo sát, lập hồ sơ thiết kế hệ thống đấu nối nước thải trong phạm vi phần đất công; trên phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ thoát nước thì hộ thoát nước tự tổ chức thiết kế, thi công nhưng phải đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, phù hợp với thông số kỹ thuật của vị trí đấu nối. Trường hợp hộ thoát nước có yêu cầu đơn vị thoát nước lập hồ sơ thiết kế đấu nối thì phải thỏa thuận chi phí thiết kế với đơn vị thoát nước.

- Bước 3: Đơn vị thoát nước và hộ thoát nước ký hợp đồng dịch vụ đấu nối thoát nước thải, thời gian ký hợp đồng đấu nối tối đa là 30 ngày. Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

- Bước 4: Hộ thoát nước có trách nhiệm tổ chức thi công lắp đặt đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của hộ thoát nước theo đúng các quy định và đơn vị thoát nước thi công hệ thống đấu nối nước thải trên phần đất công đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành.

5. Ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước thải:

a) Đối với hộ thoát nước là hộ gia đình:

Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường được quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý, vận hành thoát nước.

Nếu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dịch vụ thoát nước hoặc tự ý thay đổi, sửa chữa hệ thống thoát nước, vi phạm các quy định về thoát nước thì sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

b) Đối với các hộ thoát nước còn lại:

Nếu vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường thì đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu khắc phục. Sau 15 ngày nếu không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần hai, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà hộ vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thoả thuận đã được quy định trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước.

Nếu vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường thì đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu phải khắc phục ngay. Sau 03 ngày mà không chấp hành thì đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Dịch vụ thoát nước và cung cấp nước sạch được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra và hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

d) Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngưng dịch vụ thoát nước, đồng thời đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ đấu nối

1. Kinh phí đấu nối, nghĩa vụ tài chính đấu nối của đơn vị thoát nước và hộ thoát nước:

a) Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư tuyến ống thu gom và các phụ kiện để vận chuyển nước thải từ các điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối.

b) Hộ thoát nước có trách nhiệm tổ chức thi công lắp đặt đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của hộ thoát nước; trên phần đất công do đơn vị thoát nước thi công nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong công tác quản lý cảnh quan và môi trường đô thị, bảo đảm đúng các quy định theo thiết kế được duyệt. Sau khi đấu nối xong phải có biên bản nghiệm thu thi công đấu nối (Phụ lục 1).

c) Đơn vị thoát nước đầu tư xây dựng điểm đấu nối là điểm xả nước thải của các hộ thoát nước vào các hố ga cấp 1 hoặc tuyến cống thoát nước thải chung.

2. Chính sách hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước:

a) Đối tượng được hỗ trợ:

- Đối tượng 1: Là gia đình Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, người hoạt động cách mạng trước khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; gia đình Liệt sĩ.

- Đối tượng 2: Là những hộ thoát nước có người đang sinh sống, có hộ khẩu thường trú thuộc hộ thoát nước và có tên trong danh sách người có công với cách mạng (trừ đối tượng 1) được UBND cấp huyện xác nhận.

- Đối tượng 3: Là những hộ thoát nước thuộc diện hộ gia đình nghèo có sổ chứng nhận hộ nghèo tại thời điểm thực hiện đấu nối.

- Đối tượng 4: Là những hộ thoát nước chấp hành và thực hiện đầu nối ngay khi được yêu cầu đấu nối.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% chi phí đấu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 1;

- Hỗ trợ 30% chi phí đấu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 2 và đối tượng 3;

- Hỗ trợ 10% chi phí đấu nối đối với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 4.

Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước hoặc từ các nguồn hợp pháp khác; riêng đối với mức hỗ trợ 10% chi phí đấu nối đối

với những hộ thoát nước thuộc đối tượng 4 sử dụng từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước.

c) Các hộ thoát nước không thuộc đối tượng tại điểm a, khoản 2 Điều này có trách nhiệm chi trả 100% chi phí để thực hiện đấu nối vào điểm đấu nối của hệ thống thu gom nước thải.

Điều 8. Điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải

1. Điều kiện xả nước thải:

a) Nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước phải bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nước thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ không được xả trực tiếp vào hồ điều hòa, hồ chứa nước sử dụng đa mục tiêu.

2. Quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải:

a) Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề và bệnh viện xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

b) Nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu công nghiệp phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu công nghiệp và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước trong khu công nghiệp.

c) Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu dân cư nông thôn tập trung.

Chương III
QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 9. Về quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước

Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 10. Về quản lý bùn thải từ bể tự hoại

Quản lý bùn thải bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 11. Quản lý hồ điều hòa

1. Hồ điều hòa trong hệ thống thoát nước có nhiệm vụ điều hòa nước mưa, nước thải, đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái kết hợp làm nơi vui chơi giải trí và các dịch vụ khác theo quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt.

2. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm chính về quản lý hồ điều hòa trên địa bàn, hợp đồng với đơn vị thoát nước để đảm bảo khả năng điều hòa của hệ thống thoát nước.

3. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm xác định và duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa, nước thải và các yêu cầu khác; định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ; lập quy trình quản lý hồ điều hòa đảm bảo kỹ thuật quản lý vận hành.

Điều 12. Xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Nước thải các đô thị, khu, cụm công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại khu xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý phải đảm bảo yêu cầu:

a) Chất lượng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định cho việc sử dụng nước vào các mục đích khác nhau, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng nước thải sau xử lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

b) Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý thì nước thải đó phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, đảm bảo không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực. Khuyến khích tái sử dụng nước sau khi xử lý.

2. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung:

a) Đối tượng áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung bao gồm các khu hoặc cụm dân cư, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình,… không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung.

b) Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Chủ đầu tư hệ thống thoát nước căn cứ vào nguồn thải phát sinh, nguồn tiếp nhận, điều kiện kinh tế, địa hình, năng lực quản lý, vận hành hệ thống thoát nước của đơn vị thoát nước lựa chọn giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phù hợp.

c) Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phi tập trung theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Chủ đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước căn cứ vào quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch thoát nước, các điều kiện cụ thể của địa phương quyết định lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phi tập trung cho phù hợp.

Điều 13. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước hàng năm và trung hạn 05 năm phù hợp với định hướng Phát triển thoát nước, Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp đồng bộ với các địa phương liên quan.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 14. Các chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng

Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ:

1. Được hưởng ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

2. Được hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương.

3. Ngoài các ưu đãi, hỗ trợ quy định trên, chủ đầu tư các dự án căn cứ các quy định của Nhà nước trình UBND tỉnh xem xét các ưu đãi, hỗ trợ khác theo các quy định.

Điều 15. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Lựa chọn đơn vị thoát nước:

Việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

2. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước:

Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

Điều 16. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo mẫu hợp đồng do Bộ Xây dựng - Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 17. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước theo mẫu hợp đồng do Bộ Xây dựng ban hành kèm - Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 18. Về lập, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn

1. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm lập và quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước do mình quản lý, đồng thời báo cáo, cung cấp cơ sở dữ liệu cho Sở Xây dựng biết, theo dõi.

2. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 19. Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo với chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động thoát nước đối với hệ thống thoát nước do mình quản lý, vận hành.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Sở Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ 06 tháng và cả năm.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có trách nhiệm báo cáo Sở Xây dựng và UBND cấp huyện nơi có dự án về tình hình hoạt động dự án do mình làm chủ đầu tư theo định kỳ 06 tháng và cả năm.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh theo định kỳ 06 tháng và cả năm.

Điều 20. Giá và lộ trình giá dịch vụ thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách Nhà nước, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá và lộ trình giá dịch vụ thoát nước; Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh quyết định ban hành.

2. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác, Chủ sở hữu hệ thống thoát nước lập và trình giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Đối với khu công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do Chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các Chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Tài chính và Sở Xây dựng.

4. Đối với cụm công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do chủ sở hữu thỏa thuận với các chủ đầu tư trong cụm công nghiệp và quyết định về mức giá. Trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Tài chính và Sở Xây dựng.

5. Đối với những hộ thoát nước tiếp cận với tuyến ống thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải có trách nhiệm phải thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ theo lộ trình, kể cả những hộ chưa thực hiện đấu nối vào tuyến ống thu gom.

6. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được lập theo Hướng dẫn tại Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước sử dụng dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng:

a) Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn làm đầu mối, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các hoạt động thoát nước, xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra đối với các hoạt động thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá và lộ trình giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách Nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định ban hành.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách Nhà nước.

e) Khi cấp Giấy phép xây dựng công trình theo phân cấp, yêu cầu hộ thoát nước thực hiện đấu nối thoát nước thải theo quy định.

g) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí xả thải đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp theo quy định.

h) Hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương.

i) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải; thẩm định trình UBND tỉnh cấp, gia hạn Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

b) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, bệnh viện xả vào nguồn tiếp nhận.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, bệnh viện xả vào nguồn tiếp nhận. Tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Công an tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về hoạt đông xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì thẩm định phương án giá và lộ trình giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

b) Thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

e) Tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hàng năm tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô

thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương và theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách Nhà nước.

d) Là đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

e) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp để mời gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải, nhằm thoát nước, chống úng ngập, an toàn công trình thủy lợi và bảo vệ môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định.

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và các cơ sở y tế công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định công nghệ xử lý thoát nước đô thị của các dự án đầu tư xử lý thoát nước đô thị.

9. Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì, phối hợp với các cơ đơn vị liên quan trong việc quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

10. Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

11. Ban Quản lý khu kinh tế Phú Yên:

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu công nghiệp và khu kinh tế Nam Phú Yên.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu công nghiệp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo tổ chức xây dựng giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp gửi Sở Tài chính xem xét thoả thuận.

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

e) Trong nội dung cấp giấy phép xây dựng công trình các nhà máy trong khu công nghiệp, yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện đấu nối thoát nước thải đúng quy định về hộp đấu nối và cao độ điểm đấu nối đã được thỏa thuận.

g) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí xả thải đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải trong khu vực do mình quản lý theo quy định.

h) Phối hợp với cơ quan thanh tra trong việc tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp.

i) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp.

k) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp theo định kỳ 06 tháng, cả năm và đột xuất về Sở Xây dựng và UBND tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm UBND cấp huyện

1. Trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống thoát nước được ủy quyền là chủ sở hữu.

2. Xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, nạo vét hệ thống thoát nước được giao, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan trong việc quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn.

4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện kiểm tra, thanh tra xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đấu nối vào hệ thống thoát nước ở những khu vực có nhà máy xử lý nước thải.

6. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ 06 tháng, cả năm và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng.

Điều 24. Trách nhiệm UBND cấp xã

1. Trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống thoát nước được uỷ quyền là chủ sở hữu.

2. Xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, nạo vét hệ thống thoát nước được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

4. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho UBND cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định; thực hiện quản lý môi trường trên địa bàn theo quy định.

5. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ 06 tháng, cả năm và đột xuất với UBND cấp huyện để tổng hợp, báo cáo về Sở Xây dựng.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thoát nước xả thải ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản có liên quan trong Quy định này. Báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu để có biện pháp khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Giám đốc các sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và Thủ trưởng các đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

3. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Trà